TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66/2018/QĐST-HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 01 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị H - Sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Xóm 6, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Ông Mai Văn C - Sinh năm: 1959.
Địa chỉ: Xóm 6, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lương Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 6, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình và ông Mai Văn C, sinh năm: 1959; địa chỉ: Xóm 6, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***2.1. Về con chung (riêng)*:** Bà Lương Thị H và ông Mai Văn C không có con chung. Về con riêng bà Lương Thị H không có, còn ông Mai Văn C có bốn người con riêng là chị Mai Thị T, sinh năm 1987; chị Mai Thị N, sinh năm 1989; chị Mai Thị Th, sinh năm 1992 và anh Mai Trung K, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2001. Hiện nay chị T, chị N và chị Th đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, còn

đối với anh Mai Trung K ông C nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi anh K trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống nên bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Bà Lương Thị H và ông Mai Văn C đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; về tài sản riêng và công nợ không có; còn về đất nông nghiệp thì định suất của ai người đó canh tác nên bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà Lương Thị H nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2013/0001922 ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Hoàn trả lại cho bà Lương Thị H số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung